

TIN-TỨC DANH-TỪ

Trong công-việc soạn-thảo danh-từ, ỦY-BAN QUỐC-GIA SOẠN-THẢO DANH-TỪ CHUYÊN-MÔN nhiều khi phải chọn-lựa giữa nhiều danh-từ gần nghĩa Lý-do quyết-định trong sự chọn-lựa của Ủy-Ban có thể không hiển-nhiên, nhưng bao giờ cũng đã được cân-nhắc kỹ-lưỡng và căn-cứ trên mục-đích tìm những danh-từ sát nghĩa và tương-ứng với mỗi danh-từ ngoại quốc.

| | | |
|---------|----------------|------------------------|
| Tỉ-dụ : | Décomposition | sự phân-tích, phân-hóa |
| | Désagrégation | sự tan-rã |
| | Dégradation | sự giáng-cấp |
| | Désintégration | sự hủy-biến |
| | Destruction | sự phá-hủy |
| | Fission | sự phân-hạch |

Mục «Tin-Tức Danh-Từ» này được thiết-lập để giới-thiệu cùng độc-giả một số danh-từ đáng chú-ý đã được Ủy-Ban chọn lựa cũng như lý-do của sự chọn-lựa.

Ước mong rằng việc làm này sẽ đưa tới sự góp ý-kiến của quý vị học-giả để cải-thiện danh-từ khi cần cải-thiện và danh-từ đã được chọn-lựa chính-xác để danh từ được phổ-biến và thống-nhất.



BỐ CÁO 布告 HAY BÁ CÁO 播告?

Nhân bàn về chữ AFFICHAGE, AFFICHE, AFFICHER, Ủy-Ban thảo-luận tìm những danh-từ Việt hay Hán-Việt tương-ứng với một số danh-từ Pháp, ý-nghĩa gần nhau. Tới chữ AVIS, đa-số đồng-ý dịch ra Việt-văn là cáo-thị 告示, (yết-thị 揭示), bố-cáo 布告.

Giáo sư Bác-sĩ Trần-Ngọc-Ninh nhắc hội-đồng là còn có danh-từ bá-cáo 播告, thấy ở cuối bài *Bình-Ngô đại-cáo*, in trong cuốn *Việt-Nam sử-lược* của Trần-Trọng-Kim (Tân-Việt Hà-Nội; in lần thứ tư, phát-hành tại Saigon — 1951; trang 228), trong câu kết thúc: «Bá cáo hà nhi, hàm sử văn tri 播告遐邇咸使聞知». Cụ Ưu-Thiên Bùi-Kỷ dịch là: «Bá-cáo xa gần, ngỏ cùng nghe biết».

Trước nhất có vấn-đề âm Hán-Việt

Lần giờ các tự-điền của HUÏNH TÍNH PAULUS CỦA, J.F.M. GÉNIBREL, GUSTAVE HUE, EUGÈNE GOUIN, ta đều thấy chữ 布 đọc là BỐ và chữ (1) đọc là BÁ, chỉ trừ có P. CỦA không có chữ 播 mà thôi.

Đặc-biệt, riêng *Việt-Nam tự-điền* của Khai-Trí tiến-đức (Hà-Nội, 1931) cho cả hai chữ 布, 播 chung nhau một âm bá.

Việt-Nam tự-điền viết (trang 19-20):

Bá 布: tức là chữ «bố»...

Bá cáo 布告: cũng nói là «bố» cáo...

Bá thí 布施 (cũng nói là «bố» thí)...

Đến chữ BỐ 布 thì viết (trang 53): tức là chữ «bá».

Xem chữ «bá»..

Việt-Nam tự-điền một mình chủ-trương khác hẳn với bốn quyền thượng dẫn; vả lại đây là một danh-từ Hán-Việt, không nên đề hai chữ khác nhau cùng chung một âm, dễ gây sự lẫn lộn; có lẽ chúng ta nên quay về *Khang-hi tự-điền*, ta sẽ thấy: chữ 播, âm ba 波, khừ thanh, tức là bá, còn chữ 布, bác cổ thiết 博故切, tức là bố, vậy xin đọc 布告 là bố cáo và 播告 là bá cáo cho khỏi nhận lầm.

Thứ nhì là ý nghĩa của hai danh-từ

Hán-văn có ba chữ 佈, 佈 và 播 và có hai chữ bá 播, 諸 (nếu ta gạt ra ngoài những chữ không liên-hệ tới đối-tượng khảo-sát trong bài này như: 伯, 𠵼, 壩, 𠵼, 祀, 靶 v.v...)

(1) 播

Các tự-điền Việt-Hán-Pháp và Hán-Pháp của J.F.M. Génibrel, G. Hue, E. Gouin, Léon Wieger và Bắc-Kinh Đại-học (1964) đều gần như nhau, đại để ghi rằng :

Bố 布 : Etendre, répandre, publier, propager, manifester.

Bố 佈 : Disperser, éparpiller, répandre, étendre, propager.

Bá 播 : Semer, répandre, publier, divulguer, proclamer, diffuser.

Bá 謠 : Répandre, publier divulguer, promulguer, médire.
Enoncer, proclamer.

Các tự-điền Việt và Hán-Việt cũng gần nhau, định nghĩa như sau :

P. Của :

Bố 布 : búa, vãi, phân-phát...

Bố cáo 布告 : rao ra, truyền ra.

Khai-trí tiến-đức :

Bá 布 : truyền rộng ra. Không dùng một mình.

Bá cáo 布告 : truyền rộng ra.

Đào-Duy-Anh :

Bố 布 : Tuyên-cáo ra. Chia bày ra.

Bố 佈 : Thông-cáo ; bày ra.

Bố cáo 布告 : Thông-cáo cho mọi người biết.

Thiều Chủu :

Bố 布 : Đem các lẽ nói cho mọi người nghe.

Bố 佈 : Khấp. Báo cho mọi người biết gọi là bố cáo
佈告. Thường dùng chữ bố 布 nhiều hơn.

Khai-trí tiến-đức :

Bá 播 : chính nghĩa là gieo lúa.

Nghĩa bóng là rải rắc ra cho rộng. Ít dùng một mình. «Hạt văn-minh truyền-bá mọi nơi».

Đào-Duy-Anh :

Bá 播 : Gieo giống. Rắc ra.

Bá cáo 播告 : Báo cáo cho khắp cả mọi người.

Thieu Chửu :

Bá 播 : 1— Gieo ra, vung ra, như bá chủng 播種 : gieo hạt giống.

2— Làm lan rộng, như bá-cáo 播告 : báo khắp cho mọi người đều biết.

Thông thường, người dễ tính sẽ thấy *bố cáo*, *bá cáo* gần đồng nghĩa, dùng danh-từ nào cũng không hẳn là sai trật ; tuy nhiên, đã học tất phải cầu tinh nghĩa, vậy chúng ta hãy quay hẳn về các bộ Tự-điền, Từ-điền Hán nổi tiếng và thông dụng như *Khang-hi* 康熙, *Từ-nguyên* 辭源, *Từ-hải* 辭海, *Từ-uyên* 辭淵, tra xét lại xem sao.

Đại khái, cách giải-thích cũng gần như nhau, nếu chúng ta chỉ lưu-ý tới nghĩa chúng ta cần dùng. Ta thấy :

Bố 布 là : 1— sắp đặt, đặt bày.

2— phô bày ra.

3— báo khắp, nói rõ ra như *bố cáo* 布告 là *cáo thị* 告示. Tỷ dụ : « Kỳ bố-cáo thiên-hạ sử minh tri chi 其布告天下使明知之 : Nói ra khắp thiên-hạ khiến cho biết rõ. » (*Sử-Ký*). Vậy *bố cáo* là đem công việc sự tình nói ra cho công-chúng mọi người cùng biết. *Bố cáo* cũng là một thứ văn thư ở công-sở truyền-đặt ra cho công-chúng hay.

Bá 播 là : 1— gieo trồng.

2— Bó 布

3— Dương 揚, nêu lên, cất lên cho người ta thấy.

Đặc biệt, *Khang-hi tự-điền* ngắn, gọn, nhưng rõ rệt, đầy đủ hơn cả.

Bố 佈 là Khấp. Thông thường viết là 布, 拂. Chữ 拂 có âm bố, cùng nghĩa.

Bố 布 là : 1— bày ra, đặt ra, đem dùng ra cho người.

2— sắp bày ra.

3— phô bày ra.

Cáo 告 là báo cho biết.

Vậy gạt ra ngoài nghĩa bố 布 là vải sợi, không dùng ở đây, bố cáo 布告 là báo ra cho khắp mọi nơi, mọi người đều biết. Bố cáo dịch chữ avis là đúng.

Tiếng, chữ, văn Việt không cần. Nhưng nếu cần viết chữ Hán kèm bên thì, theo công chúng đã quen dùng, nên viết 布告. Còn nếu muốn theo sát chữ dùng của Trung-hoa lục-địa thì Hán-Pháp từ-điền tại Bắc-kinh Đại-học (Bắc-kinh 1964) đã phân biệt rất rõ : Bố 布 (bộ cân 巾) dùng để trở vải sợi (éttoffe, tissu, toile) còn Bỗ (1) (bộ nhân đứng (2) được dùng trong danh-từ bố-cáo (3) để trở sự báo, sự nói ra cho công-chúng hay (avis, affiche, proclamation).

Theo thiên-ý, chúng ta nên dùng chữ bố 布 (bộ cân 巾) để viết danh-từ bố cáo 布告 (avis) theo lối thông thường.

Về hai chữ bá 播, 謠, Khang-hi tự-điền cũng nói rất rõ ràng :

Hai chữ cùng có nghĩa là bố 布 (phô bày ra), là dương 揚 (cất lên, giơ lên).

Chúng có, trong Kinh-thư, Thương-thư, thiên Bàn-canh thượng, có câu : «Vương bá cáo chi tu, bất nặc quyết chi 王播告之修不匿厥指 = Khi bá cáo việc gì thì thừa hành, không dấu diếm ý định». (theo bản dịch của cụ Thâm Quỳnh, Bộ Giáo-Dục xuất bản, Saigon 1965, trang 157).

Đến chữ bá 謠, tự-điền Khang-hi nói : «Theo Thuyết văn, bá 謠 nghĩa là phu 敷 (= bày, mở rộng ra, ban bố khắp cả), lại dẫn sách

(1) 佈 (2) 拂 (3) 佈告

Thượng Thư câu : «Vương bá cáo chi tu 王謠告之修» (tức là câu vừa trích ở trên). Nhưng *Kinh Thư* ngày nay, thiên *Bàn Canh* đòi chữ 謠 (bộ ngôn 言) chép là chữ 播 (bộ thủ 手).

Chữ *Bá 播* này ta đã thấy ở câu kết thúc bài *Bình-Ngô đại-cáo*, Nguyễn-Trãi viết nhân danh Bình-Định-Vương.

Bá cáo 播告 là nêu lên, phô bày ra để bảo cho mọi người cùng biết.

Vì thấy đã có trong thiên *Bàn-Canh* (*Kinh Thư*) và trong bài *Bình-Ngô đại-cáo*, nên theo thiên-ý, nên dùng danh-từ *bá cáo 播告* để dịch chữ proclamation, nường như hợp lý hơn chẳng.

HẠO - NHIÊN NGHIÊM TOẢN

(1)-(2)-(3) : Các chữ ở trong dấu ngoặc đơn này là của tác-giả tự ý thêm vào.